

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM SALADIN

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022
đến ngày 31 tháng 12 năm 2023**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 18

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Saladin (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Saladin là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2022. Công ty được cấp mã số thuế số 0317945995 ngày 20 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 10.000.000.000 VND, tương đương 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 111 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty là môi giới bảo hiểm.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thành Vân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Tố Nga	Thành viên
Ông Lê Văn Đức	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Trần Minh Trang	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố báo cáo tài chính

Tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN MINH TRANG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International
Số: 039/2024/BCKT-HCM.01450



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI GIỚI BẢO HIỂM SALADIN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Saladin (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 4 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Saladin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

LÊ HUỖNH BẢO
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2021-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.894.511.740	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	269.381.808	-
1. Tiền	111		269.381.808	-
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.600.838.356	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	129	5.2	9.600.838.356	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	-
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.291.576	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	21.391.667	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.899.909	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.161.700	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.161.700	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.3	11.161.700	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.905.673.440	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.100.400	-
I. Nợ ngắn hạn	310		31.100.400	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.4	30.380.400	-
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.5	720.000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.874.573.040	-
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.6	9.874.573.040	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(125.426.960)	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ dự trữ bắt buộc	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.905.673.440	-



NGUYỄN THỊ MINH THUẬN
Người lập biểu/Kế toán



TRẦN MINH TRANG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023
			VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-
4. Giá vốn hàng bán	11		-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	2.532.636
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.2	148.991.724
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(146.459.088)
10. Thu nhập khác	31	6.3	21.032.128
11. Chi phí khác	32		-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		21.032.128
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(125.426.960)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.4	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(125.426.960)

NGUYỄN THỊ MINH THUẬN
Người lập biểu/Kế toán

TRẦN MINH TRANG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(125.426.960)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	-
Các khoản dự phòng	03	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.532.636)
Chi phí lãi vay	06	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(127.959.596)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.899.909)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	31.100.400
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(32.553.367)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(132.312.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.600.838.356)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.532.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.598.305.720)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	269.381.808
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	269.381.808



NGUYỄN THỊ MINH THUẬN
Người lập biểu/Kế toán



TRẦN MINH TRANG
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

44
ÔN
TNH
M Y
VIỆ
PH

C.T.C.P
TY
IẢN
O HIỂM
DIN
Ồ CHÍ N

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Saladin ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2022. Công ty được cấp mã số thuế số 0317945995 ngày 20 tháng 07 năm 2023.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 10.000.000.000 VND, tương đương 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 111 Lý Chính Thắng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty là môi giới bảo hiểm.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do đây là năm đầu tiên Công ty hoạt động.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số nhân viên của Công ty là 1 người.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 (ngày thành lập) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các năm tài chính tiếp theo của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 175/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2011 cũng như các quy định pháp lý có liên quan của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.5 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.6 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

4.7 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.8 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc như sau:

Theo điều 54 của Nghị định 46/2023/NĐ-CP, Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc và mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

4.9 Doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ 10X	Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng - VND	269.381.808	-
	269.381.808	-

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty chỉ bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, chi tiết như sau:

	31/12/2023		25/10/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	9.600.838.356	9.600.838.356	-	-
	9.600.838.356	9.600.838.356	-	-

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,6% đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.3 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.3.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
Chi phí bảo hiểm nghề nghiệp	21.391.667	-
	21.391.667	-

5.3.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
Chi phí phần mềm	11.161.700	-
	11.161.700	-

5.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	25/10/2022 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2023 Phải nộp VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	30.380.400	-	30.380.400
	-	30.380.400	-	30.380.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không kê khai nộp thuế, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(125.426.960)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
Thu nhập chịu thuế	(125.426.960)
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

5.5 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	25/10/2022 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	720.000	-
	720.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.6 Vốn chủ sở hữu

5.6.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 25/10/2022	-	-	-
Tăng vốn trong năm	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	(125.426.960)	(125.426.960)
Số dư tại 31/12/2023	10.000.000.000	(125.426.960)	9.874.573.040

5.6.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 VND.
Đến ngày 31/12/2023, chi tiết vốn đã góp như sau:

	31/12/2023		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần VND	Tỷ lệ %
Bà Lê Thị Thanh Vân	900.000	9.000.000.000	90,00
Ông Lê Văn Đức	50.000	500.000.000	5,00
Bà Trần Thị Tố Nga	50.000	500.000.000	5,00
	1.000.000	10.000.000.000	100,00

5.6.3 Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000
Cổ phiếu phổ thông	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.532.636
	2.532.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày
25/10/2022 đến
ngày 31/12/2023
VND

Chi phí nhân viên quản lý	140.036.000
Chi phí bảo hiểm nghề nghiệp	4.108.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.847.391
	148.991.724

6.3 Thu nhập khác

Từ ngày
25/10/2022 đến
ngày 31/12/2023
VND

Thu nhập khác	21.032.128
	21.032.128

6.4 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Từ ngày
25/10/2022 đến
ngày 31/12/2023
VND

Chi phí nhân công	140.036.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.955.724
	148.991.724

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
Bà Lê Thị Thành Vân	Góp vốn	9.000.000.000
Bà Trần Thị Tố Nga	Góp vốn	500.000.000
Ông Lê Văn Đức	Góp vốn	500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 25 tháng 10 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Từ ngày
25/10/2022 đến
ngày 31/12/2023
VND

Lương, thưởng 131.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

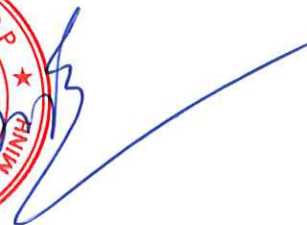
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ ngày 25/10/2022 đến ngày 31/12/2023 VND
Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ 10X		
	Cho mượn tiền	6.990.000.000
	Thu tiền cho mượn	6.990.000.000

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2023) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ MINH THUẬN
Người lập biểu/Kế toán



TRẦN MINH TRANG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2024

